

BỘ TƯ PHÁP

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2006/TT-BTP

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Sau khi thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp như sau:

Phần I

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. MỤC TIÊU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Công tác thi đua khen thưởng nhằm động viên, khích lệ và tôn vinh các tập thể, cá nhân hăng hái thi đua lao động sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ, lập thành tích xuất sắc góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của ngành Tư pháp.

II. NGUYÊN TẮC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Nguyên tắc thi đua:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển;

c) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả phong trào thi đua, cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; trường hợp không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Việc khen thưởng phải bảo đảm chính xác, công khai, công bằng, dân chủ và kịp thời trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác của các tập thể và cá nhân; coi trọng chất lượng theo tiêu chuẩn, không gò ép để đạt số lượng; khen thưởng đối với cá nhân, tập thể không bắt buộc theo trình tự từ hình thức khen thưởng thấp đến hình thức khen thưởng cao; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn hơn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

III. ĐỐI TƯỢNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Đối tượng thi đua:

a) Cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các cơ quan tư pháp địa phương và cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

Công chức đang trong thời gian tập sự, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn, nhân viên hợp đồng từ 01 năm trở lên nếu đủ tiêu chuẩn thì cũng được xét tặng danh hiệu thi đua theo quy định;

b) Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có tài khoản, có con dấu riêng;

c) Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp không có tài khoản và con dấu riêng (các Vụ);

d) Các cơ quan tư pháp địa phương: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ban Tư pháp;

đ) Các cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện;

e) Các tập thể nhỏ thuộc các đơn vị quy định tại điểm b của khoản này; các tập thể nhỏ thuộc Sở Tư pháp, cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh.

2. Đối tượng khen thưởng:

- a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 của Mục này;
- b) Các cá nhân là đối tượng được khen thưởng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Mục II Phần III của Thông tư này;
- c) Các cá nhân, tập thể thuộc các cơ quan thi hành án quân khu và tương đương, các cơ quan hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, các tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các cá nhân, tập thể khác có thành tích xuất sắc đóng góp trong các lĩnh vực công tác tư pháp được khen thưởng theo đợt.

IV. DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG NHÀ NƯỚC

Quy định về khen tặng các danh hiệu thi đua của Nhà nước, các hình thức khen thưởng của Nhà nước; quy định về mức thưởng và các quyền lợi khác đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước và của ngành Tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Phần II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN THI ĐUA NGÀNH TƯ PHÁP

I. DANH HIỆU THI ĐUA

1. Đối với cá nhân:

- a) Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp;
- b) Chiến sỹ thi đua cơ sở;
- c) Lao động tiên tiến.

2. Đối với tập thể:

- a) Cờ thi đua ngành Tư pháp;



- b) Tập thể lao động xuất sắc;
- c) Tập thể lao động tiên tiến.

II. TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

1. Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp:

Đối tượng được xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp là cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số những người 03 lần liên tục được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở.

2. Chiến sỹ thi đua cơ sở:

Đối tượng được xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở là cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- b) Có sáng kiến, giải pháp cải tiến phương thức làm việc, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác của cơ quan, đơn vị được Hội đồng Khoa học (Hội đồng Sáng kiến) cấp cơ sở công nhận.

Việc thành lập Hội đồng khoa học (Hội đồng sáng kiến) do người có thẩm quyền quyết định xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở quyết định.

3. Lao động tiên tiến:

Đối tượng được xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến là cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt chất lượng hiệu quả công tác tốt;
- b) Chấp hành tốt nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị và chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự học để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; có tinh thần khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp; tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

4. Cờ thi đua của ngành Tư pháp:

Đối tượng được xét tặng Cờ thi đua của ngành Tư pháp là tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của ngành;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

5. Tập thể lao động xuất sắc:

Đối tượng được xét tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc là tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

6. Tập thể lao động tiên tiến:

Đối tượng được xét tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến là tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Phần III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP

I. HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”;
2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
3. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

II. TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”:

Thực hiện theo Quyết định số 101/2005/QĐ-BTP ngày 02 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”, Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” ban hành kèm theo Quyết định số 102/2005/QĐ-BTP ngày 02 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1282/2005/QĐ-BTP ngày 17 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp:

a) Là hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể quy định tại khoản 1 Mục III Phần I của Thông tư này vào dịp tổng kết công tác hàng năm;

Các đối tượng được khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp vào dịp tổng kết công tác hàng năm phải đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đối với cá nhân:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và nghĩa vụ công dân;

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

+ Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đối với tập thể:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

+ Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua;

+ Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

+ Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;

+ Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

b) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp còn là hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Mục III Phần I của Thông tư này có thành tích đột xuất xuất sắc hoặc khi kết thúc một cuộc vận động, một phong trào thi đua theo đợt do Bộ Tư pháp phát động lập thành tích xuất sắc được bình xét hoặc nêu gương người tốt, việc tốt tiêu biểu, có tác dụng giáo dục, học tập trong ngành.

3. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị:

Là hình thức khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị trong ngành Tư pháp vào dịp tổng kết công tác hàng năm; khi kết thúc một cuộc vận động, một đợt thi đua; cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất xuất sắc; đối với người tốt, việc tốt, có tác dụng nêu gương trong phạm vi hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Cá nhân, tập thể được khen thưởng vào dịp tổng kết hàng năm phải đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đối với cá nhân:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;

- Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đối với tập thể:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.



Phần IV
THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ
ĐỀ NGHỊ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

I. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp quyết định tặng cho các cá nhân, tập thể thuộc đơn vị mình các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sau đây:

- a) Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến;
- b) Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến;
- c) Giấy khen.

Giám đốc Sở Tư pháp quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các cá nhân, tập thể thuộc đơn vị mình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, hướng dẫn của Thông tư này và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh quyết định tặng cho các cá nhân, tập thể thuộc đơn vị của mình và cá nhân, tập thể cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nêu tại khoản 1 của Mục này.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sau đây:

- a) Cờ thi đua của ngành Tư pháp;
- b) Danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp;
- c) Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp và cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh; các tập thể nhỏ thuộc các cơ quan, đơn vị nói trên và cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện;
- d) Bằng khen của Bộ trưởng.

4. Việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước:

Bộ trưởng Bộ Tư pháp xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước đối với các cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp.

II. THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

Việc khen thưởng theo thủ tục đơn giản được áp dụng đối với các đối tượng có thành tích xuất sắc, rõ ràng, đột xuất trong quá trình công tác, có tác dụng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ, nêu gương đối với phong trào chung.

Tùy theo thành tích đạt được mà hình thức khen thưởng là Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Đối với những trường hợp có thành tích xuất sắc, đột xuất có phạm vi ảnh hưởng lớn, đủ tiêu chuẩn thì đề nghị tiến hành khen theo thủ tục đơn giản đối với các hình thức khen thưởng của Nhà nước theo quy định chung.

2. Xét thi đua, khen thưởng theo thủ tục chung:

Việc đề nghị xét thi đua, khen thưởng theo thủ tục chung trong ngành Tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Thông tư này.

a) Hiệp y xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

Việc hiệp y đối với các trường hợp đề nghị tặng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Cờ Thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 53 của Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Đăng ký thi đua:

Căn cứ vào thành tích thi đua trong năm, cá nhân, tập thể có thể được xem xét tặng danh hiệu thi đua bằng hoặc thấp hơn danh hiệu đã được đăng ký đầu năm nếu không đạt các tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đó. Trường hợp cá nhân, tập thể có thành tích thi đua trong năm vượt các tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua đã đăng ký đầu năm thì có thể được xem xét tặng danh hiệu thi đua cao hơn tùy thuộc vào tính chất, mức độ thành tích đã đạt được.

III. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan đơn vị quyết định tặng quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục I của Phần này:

a) Hồ sơ đối với trường hợp đề nghị khen thưởng thành tích hàng năm và theo cuộc vận động, phong trào gồm có:

- Bản thành tích công tác của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;
- Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở;
- Văn bản xác nhận của Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở đối với sáng kiến, giải pháp của cá nhân được xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (nếu có);

Đối với cơ quan, đơn vị có tập thể nhỏ thì hồ sơ xét khen thưởng còn bao gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của người đứng đầu các tập thể nhỏ (bao gồm cả Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện đối với trường hợp đề nghị Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh khen thưởng), kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị;

- Bản thành tích công tác của cá nhân, tập thể nhỏ, của cá nhân, tập thể cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện được đề nghị khen thưởng phải có xác nhận, ký tên, đóng dấu (nếu có) của người đứng đầu tập thể nhỏ, của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện;

- Biên bản họp đánh giá cá nhân và tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định được đơn vị đề nghị xét khen thưởng do người đứng đầu tập thể nhỏ, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện ký tên, đóng dấu (nếu có);

b) Hồ sơ đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm có:

- Bản thành tích công tác của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;
- Ý kiến bằng văn bản của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

Đối với cơ quan, đơn vị có tập thể nhỏ thì hồ sơ xét thưởng còn bao gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của người đứng đầu các tập thể nhỏ (bao gồm cả Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện đối với trường hợp đề nghị Thủ

trường cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh khen thưởng), trong đó nêu rõ mức độ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích đã lập được;

- Bản thành tích công tác của cá nhân, tập thể nhỏ, của cá nhân, tập thể cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện được đề nghị khen thưởng phải có xác nhận, ký tên, đóng dấu (nếu có) của người đứng đầu tập thể nhỏ, của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện;

2. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định tặng quy định tại khoản 3 Mục I của Phần này:

a) Hồ sơ đối với trường hợp khen thưởng thành tích hàng năm và theo cuộc vận động, phong trào gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị;

- Bản thành tích công tác của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng có xác nhận, ký tên, đóng dấu (nếu có) của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị. Bản thành tích công tác của cá nhân, tập thể cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện, của cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải có ý kiến nhất trí, ký tên, đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh; bản thành tích công tác của tập thể cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản của Giám đốc Sở Tư pháp kèm theo; bản thành tích công tác của cá nhân, tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải có ý kiến nhất trí, ký tên, đóng dấu của lãnh đạo Bộ, các cơ quan đó;

- Biên bản họp đánh giá cá nhân và tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định được cơ quan, đơn vị đề nghị xét khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở;

- Văn bản đề nghị và Biên bản bình chọn, suy tôn của Hội nghị thi đua khu vực đối với các cá nhân, tập thể thuộc các cơ quan tư pháp địa phương được đề nghị thưởng Anh hùng Lao động, Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của ngành, Chiến sỹ thi đua ngành.

b) Hồ sơ đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị, trong đó nêu rõ mức độ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích đã lập được;

- Bản thành tích công tác của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng có xác nhận, ký tên, đóng dấu (nếu có) của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị. Bản thành tích công tác của cá nhân, tập thể cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện, của cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải có ý kiến nhất trí, ký tên, đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh; bản thành tích công tác của tập thể cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản của Giám đốc Sở Tư pháp kèm theo. Bản thành tích công tác của cá nhân, tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải có ý kiến nhất trí, ký tên, đóng dấu của lãnh đạo Bộ, các cơ quan đó;

- Ý kiến bằng văn bản của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

3. Số lượng hồ sơ đề nghị xét khen thưởng:

Số lượng hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp gồm 01 bộ hồ sơ gốc gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp (qua Vụ Thi đua, khen thưởng Bộ Tư pháp).

IV. THỜI GIAN XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

1. Việc xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thường kỳ được thực hiện vào tháng 12 hàng năm. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phải được gửi về Vụ Thi đua, khen thưởng Bộ Tư pháp trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Vụ Thi đua, khen thưởng Bộ Tư pháp tham mưu giúp Bộ trưởng hướng dẫn cụ thể về thời gian xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đợt.

2. Thời gian xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Đối với các trường hợp có thành tích đột xuất xuất sắc thì ngay sau khi lập được thành tích, các đơn vị có trách nhiệm lập hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

V. GIÁM SÁT TÍNH TRUNG THỰC, KHÁCH QUAN TRONG VIỆC XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Việc giám sát, kiểm tra, thanh tra về tính trung thực, chính xác, khách quan trong việc xét thi đua, khen thưởng của các đơn vị, tập thể, cá nhân quy định tại Mục III Phần I của Thông tư này được thực hiện như sau:

1. Vụ Thi đua, khen thưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong ngành thực hiện công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm đúng pháp luật, khách quan, trung thực và thường xuyên, định kỳ kiểm tra việc thực hiện các quy định về chính sách khen thưởng; tham gia thanh tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 5 và khoản 8 Điều 2 của Quyết định số 1153/QĐ-BTP ngày 28 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Thanh tra Bộ Tư pháp, thanh tra Sở Tư pháp thực hiện việc thanh tra theo thẩm quyền về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp khi có khiếu nại, tố cáo và kịp thời tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp giải quyết.

3. Thực hiện cơ chế tự giám sát giữa các cơ quan, đơn vị, tập thể, các cụm thi đua, giám sát của các đoàn thể, các hội đồng thi đua khen thưởng trong việc tổ chức thi đua, tiến hành việc xét và quyết định khen tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trong việc xét thi đua, khen thưởng của đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

Phần V

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP VÀ HỘI NGHỊ THI ĐUA KHU VỰC

I. HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CƠ SỞ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở thực hiện chức năng tư vấn, giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Mục I Phần IV của

Thông tư này về công tác thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị nhằm phát triển phong trào mạnh mẽ, đúng hướng, có hiệu quả;

b) Xét trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khen thưởng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến, Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị;

c) Xét trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp để trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng hoặc đề Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc khen thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng khác không thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Đối với đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp để trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng hoặc đề Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc khen thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cao hơn đối với tập thể cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh thì phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản của Giám đốc Sở Tư pháp.

d) Xem xét trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về thi đua, khen thưởng; xem xét trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị các cấp có thẩm quyền thu hồi quyết định khen thưởng đối với các trường hợp phát hiện có vi phạm các quy định về thi đua, khen thưởng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Mục I Phần IV của Thông tư này quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở của cơ quan, đơn vị mình.

Hội đồng Thi đua - khen thưởng của Sở Tư pháp được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, hướng dẫn của Thông tư này và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức và số lượng cán bộ công chức trong cơ quan, đơn vị, số lượng thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở có từ 05 đến 07 thành viên, gồm các thành phần sau đây:

- a) Chủ tịch: 01 Phó Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;
- b) Phó Chủ tịch: 01 Lãnh đạo tổ chức Công đoàn của cơ quan, đơn vị;
- c) Ủy viên thư ký: Cán bộ được giao theo dõi công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị;
- d) Các ủy viên: Đại diện Chi ủy, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ủy viên khác là cán bộ chủ chốt của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng theo quy định nêu trên mà bằng hoặc vượt quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số lượng cán bộ công chức trong cơ quan, đơn vị thì có thể rút xuống 03 thành viên, bao gồm thành phần quy định tại các điểm a, b và 01 thành viên là đại diện Chi ủy hoặc đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quy định tại điểm d của khoản này.

4. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở bao gồm thành phần quy định tại các điểm a, b và 01 thành viên là đại diện Chi ủy hoặc đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quy định tại điểm d khoản 3 của Mục này. Trường hợp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng chỉ gồm có 03 thành viên thì Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đồng thời thực hiện chức năng Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

II. HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp thực hiện chức năng tư vấn, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo phong trào thi đua của toàn ngành nhằm phát triển phong trào mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng, có hiệu quả;

b) Xét chọn các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của ngành Tư pháp trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định tặng các danh hiệu thi

đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc đề Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình các cơ quan có thẩm quyền xét tặng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước;

c) Xem xét, kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp; xem xét trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp đề nghị các cấp có thẩm quyền thu hồi quyết định khen thưởng đối với các trường hợp phát hiện có vi phạm các quy định về thi đua, khen thưởng.

3. Tổ chức, hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp thực hiện theo quy định hiện hành.

III. HỘI NGHỊ THI ĐUA KHU VỰC

1. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hàng năm và đề ra phương hướng tổ chức phong trào thi đua của khu vực; trao đổi kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong khu vực; tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các thành viên và phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng, có hiệu quả phong trào thi đua của khu vực.

2. Bình chọn, suy tôn đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong khu vực để đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của ngành Tư pháp, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp và Anh hùng Lao động thông qua việc xem xét, đánh giá hiệu quả tổ chức, hoạt động của phong trào thi đua và tự đánh giá, chấm điểm thi đua.

3. Vụ Thi đua, khen thưởng Bộ Tư pháp tham mưu cho Bộ trưởng ban hành hướng dẫn về tiêu chuẩn và thang bảng chấm điểm thi đua.

Phần VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

I. NGUỒN KINH PHÍ HÌNH THÀNH QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp được hình thành từ ngân sách Nhà nước, từ quỹ khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác. Hàng năm,

Bộ Tư pháp trích mức tối đa bằng 15% tổng quỹ tiền lương theo ngạch bậc của số cán bộ, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm để làm nguồn kinh phí đưa vào Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp.

II. SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để phục vụ trực tiếp cho công tác thi đua, khen thưởng theo các nội dung quy định tại Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 và Thông tư số 73/2006/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

III. HƯỚNG DẪN VIỆC LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Vụ Thi đua, khen thưởng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị hữu quan xây dựng Thông tư hướng dẫn chi tiết việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp và chế độ sử dụng kinh phí thi đua, khen thưởng phù hợp với quy định của pháp luật trình Bộ trưởng ban hành để thay thế Thông tư số 08/2001/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn công tác quản lý tài chính thực hiện chế độ thi đua khen thưởng trong ngành Tư pháp.

Phần VII

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Cá nhân, tập thể báo cáo thành tích không trung thực, che giấu khuyết điểm để được xét khen thưởng hoặc tiến hành xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng thì tùy theo mức độ lỗi của cá nhân, tập thể có vi phạm, người có thẩm quyền quyết định khen thưởng ra quyết định hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định khen thưởng, giấy chứng nhận danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và yêu cầu hoàn trả khoản tiền thưởng kèm theo. Ngoài ra, tùy theo

tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân vi phạm còn bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Trình tự, thủ tục, thời hạn, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

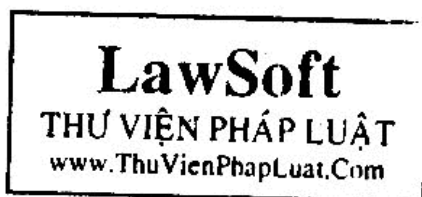
Phần VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ Thông tư số 05/2003/TT-BTP ngày 29 tháng 10 năm 2003 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp; khoản 11 Điều 2 của “Quy chế ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý một số mặt công tác tổ chức, cán bộ của Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” ban hành kèm theo Quyết định số 1148/2005/QĐ-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu giải quyết./.



BỘ TRƯỞNG

Uông Chu Lưu

Văn phòng Chính phủ xuất bản
Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182
Fax: 08044517
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng